CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Bệnh viện tim Tâm Đức

Ngày 31/03/2025	69,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.7%	**-0.4%**	**13.0%**

DT thuần
Q1/25
180
tỷ VNĐ
QoQ: ▼32.0| -15.2%
YoY: ▲ 3.00| 1.6%

LN thuần
Q1/25
18.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.7| -36.9%
YoY: ▲ 3.30| 21.9%

LN sau thuế
Q1/25
16.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.50| -36.5%
YoY: ▲ 2.80| 20.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
10.4%
YoY: +/-▼ 3.6%

ROE (TTM)
Q1/25
28.0%
YoY: +/-▲ 1.1%

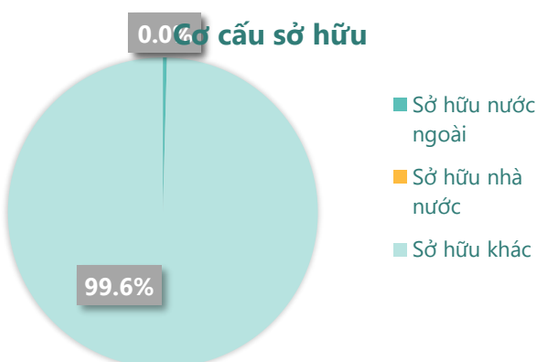
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	52,894 - 78,727
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,073
Số lượng CPLH (CP)	15,552,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	235
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.44
EPS	5,595
P/E	12.3

DT thuần
2024
778
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 37.0| 5.0%

LN thuần
2024
92.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.50| 0.6%

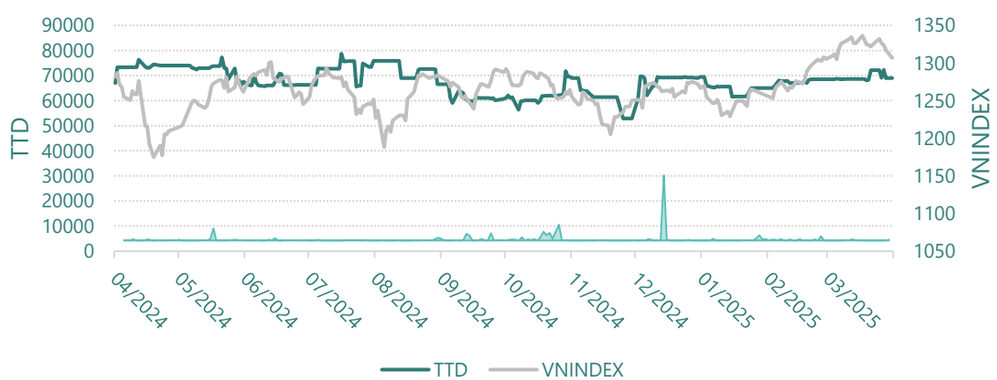
LN sau thuế
2024
84.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.20| 1.4%

Cơ cấu sở hữu

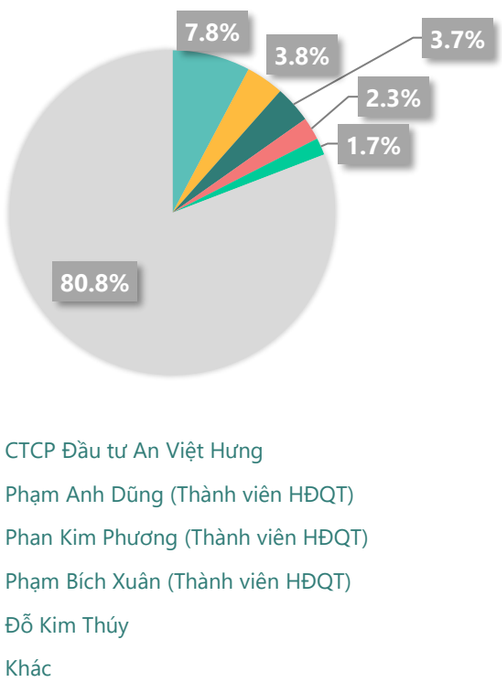


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



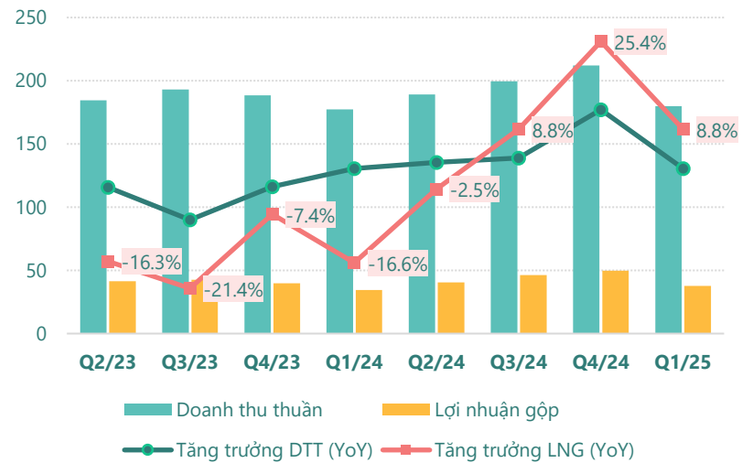
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

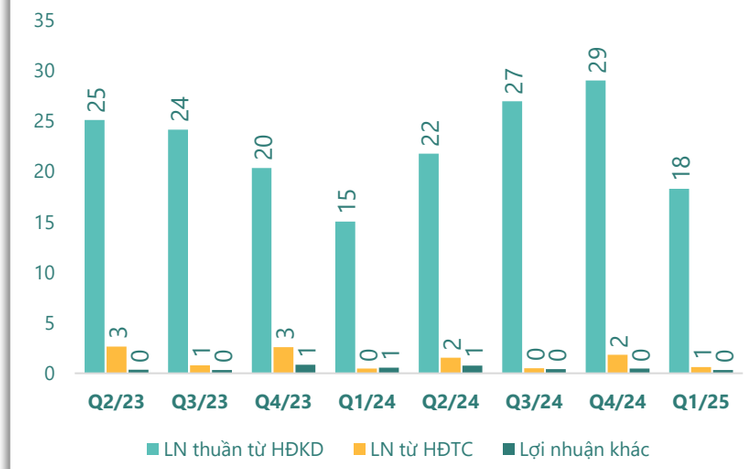
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



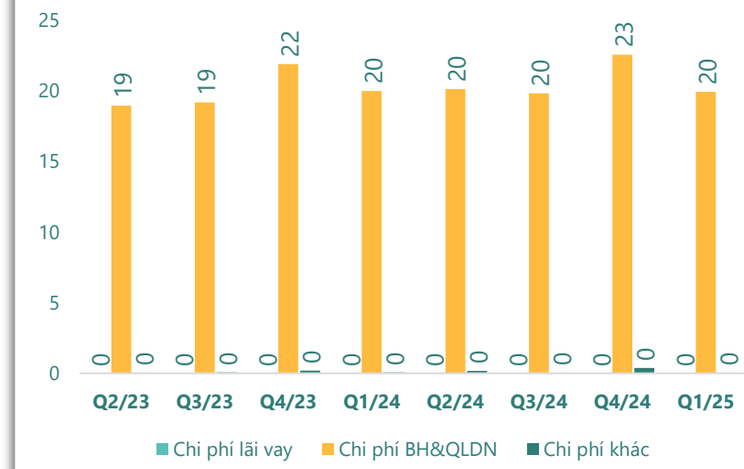
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



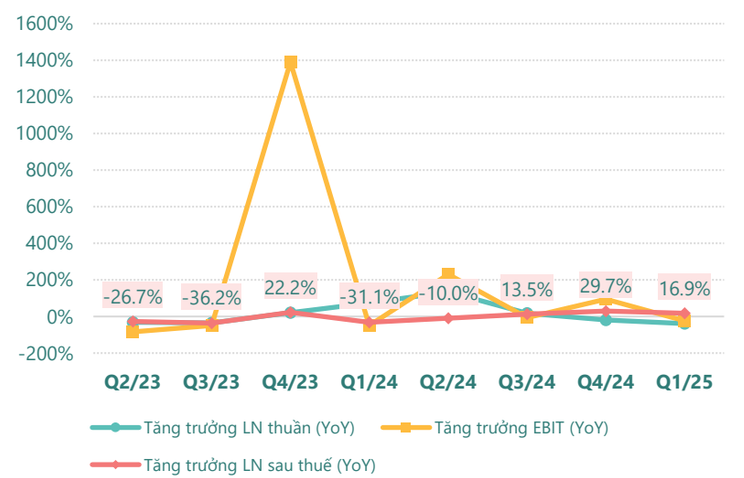
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



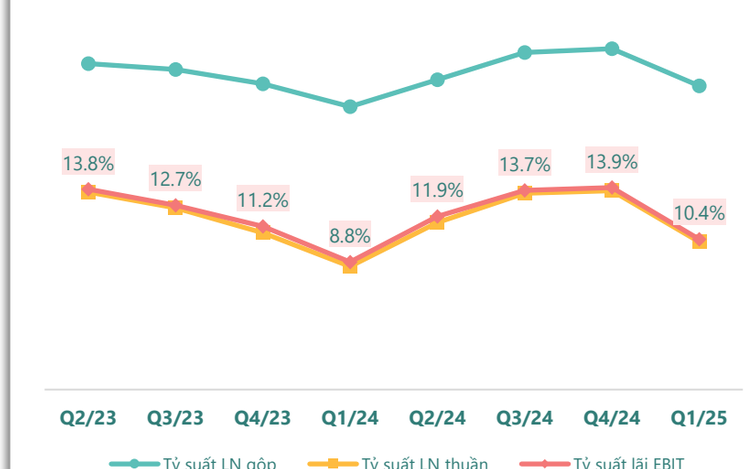
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



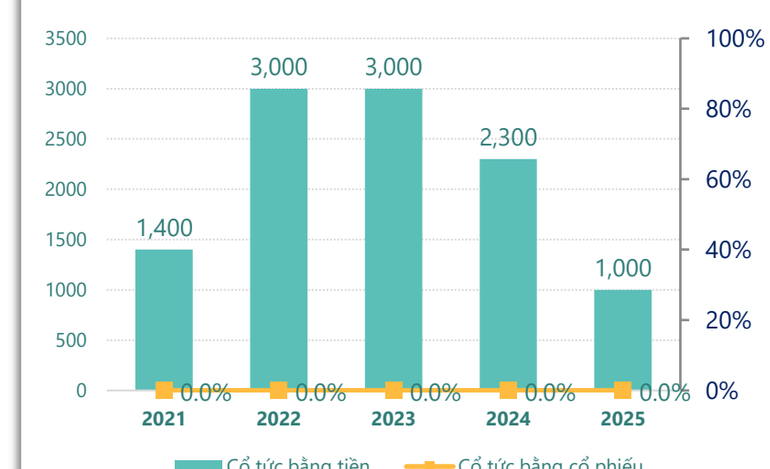
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

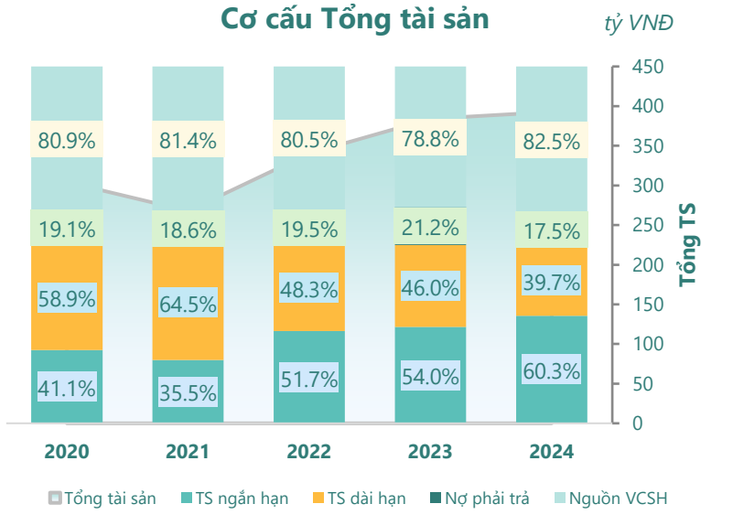
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

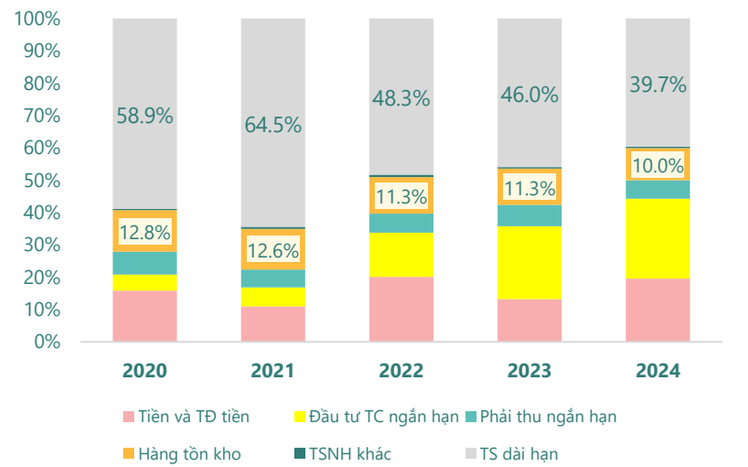
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



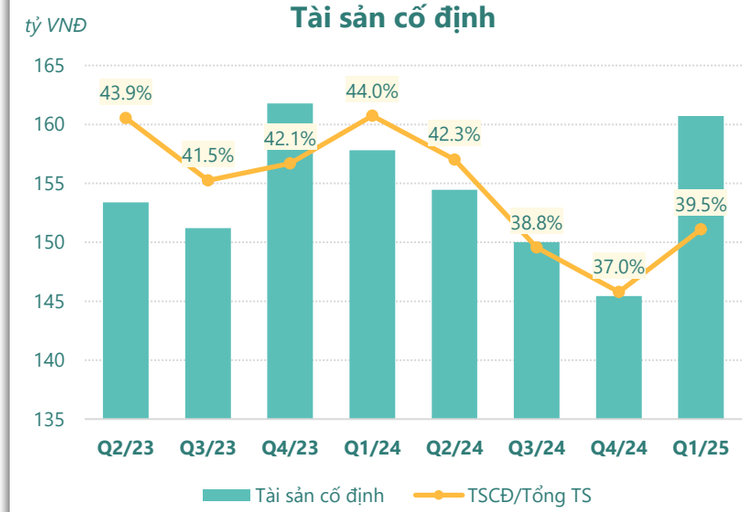
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



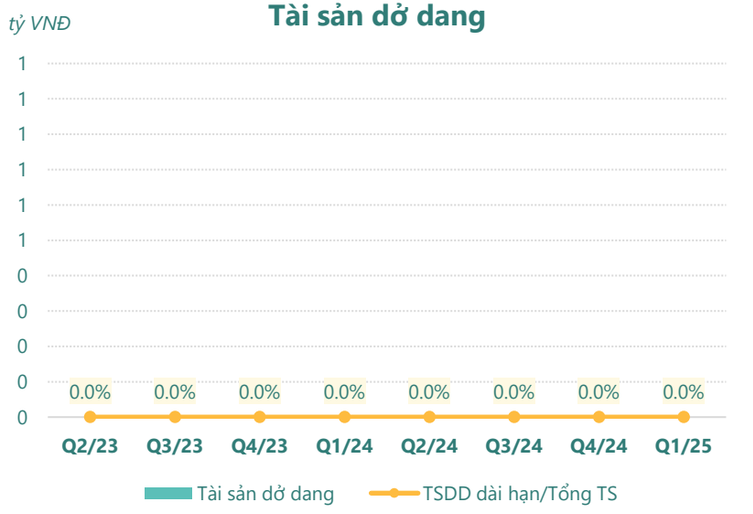
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



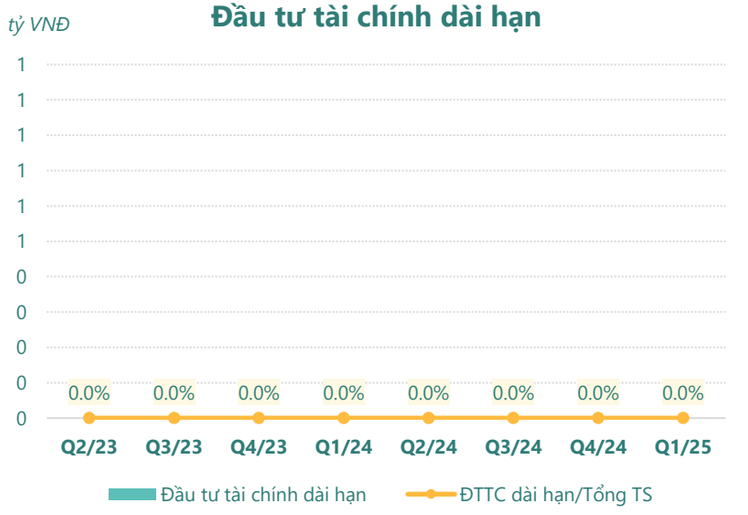
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



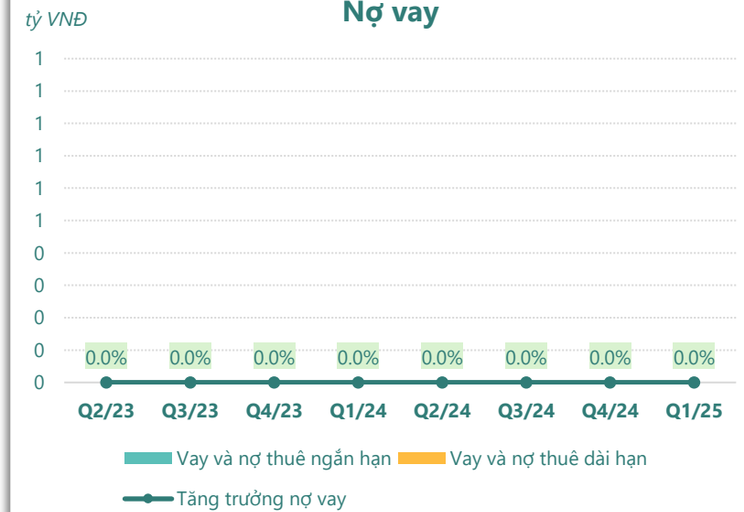
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

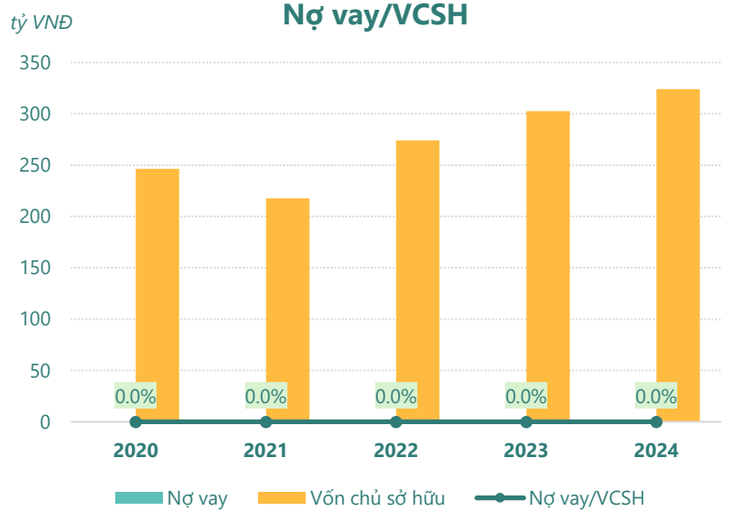
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

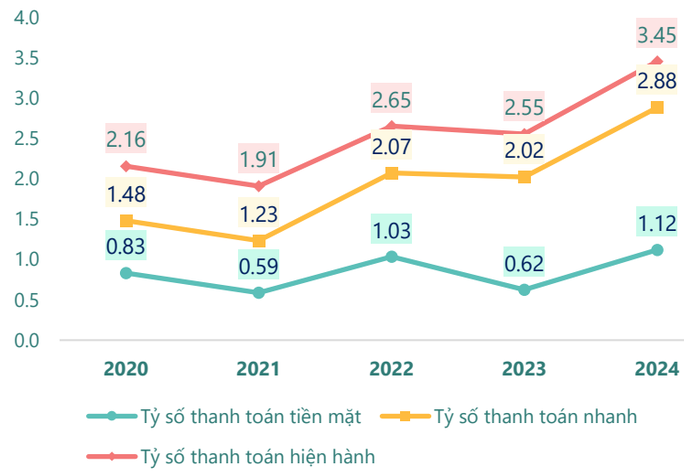
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



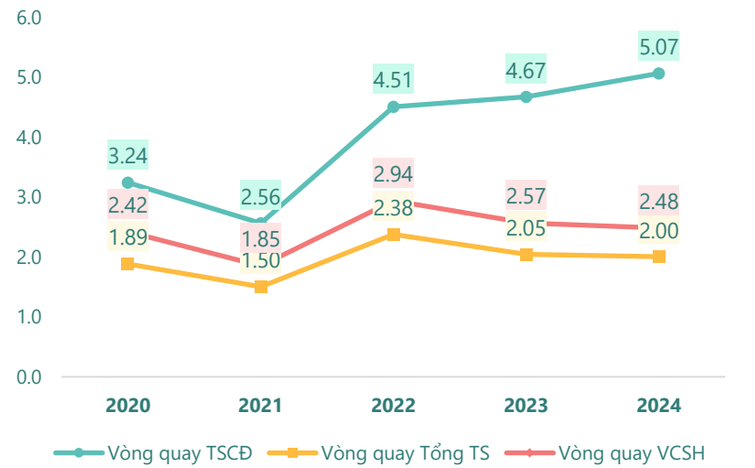
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



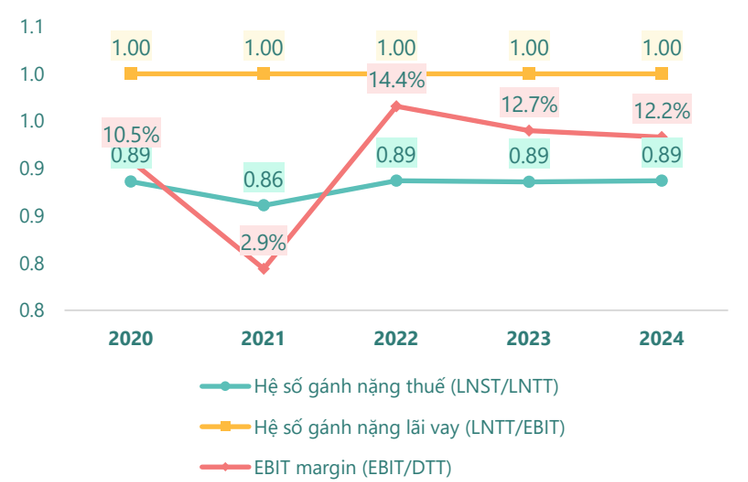
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



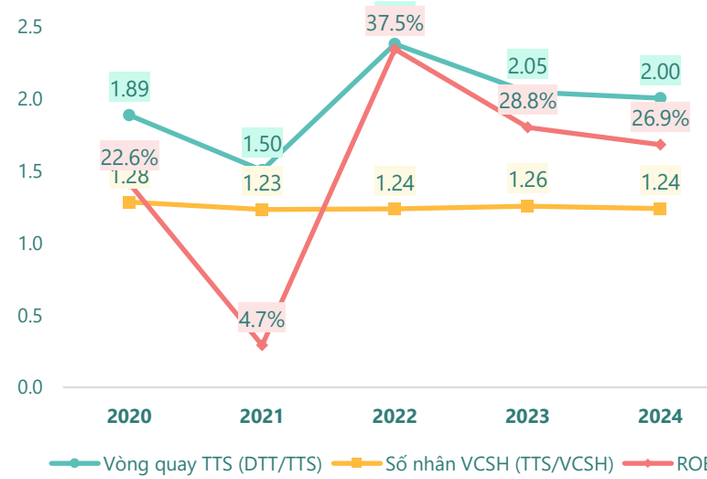
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



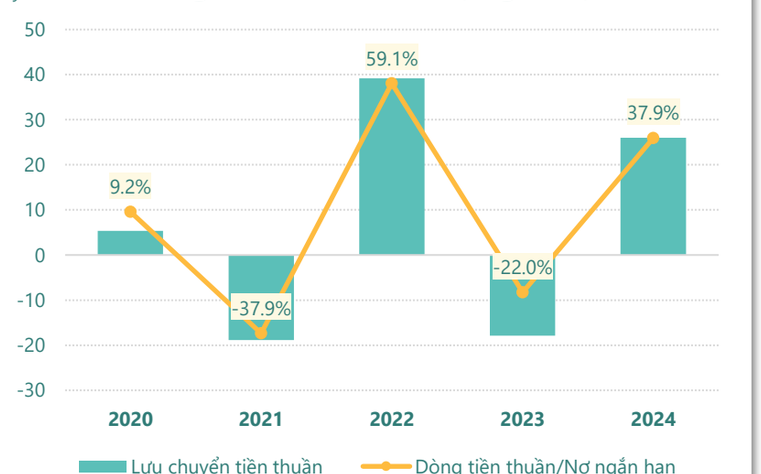
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**180**	**177**	**1.6%**	**778**	**741**	**5.0%**
Giá vốn hàng bán	142	143	-0.6%	607	576	5.4%
Lợi nhuận gộp	37.6	34.6	8.7%	171	165	3.6%
Doanh thu HĐTC	0.61	0.47	29.9%	4.34	6.33	-31.4%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.04	3.66	-17.1%	15.8	15.5	1.6%
Chi phí QLDN	**16.9**	**16.3**	**3.7%**	**66.8**	**63.6**	**5.0%**
LN thuần từ HĐKD	18.3	15.0	21.9%	92.8	92.3	0.6%
Lợi nhuận khác	**0.33**	**0.55**	**-40.9%**	**2.19**	**1.47**	**48.8%**
LN trước thuế	18.6	15.6	19.3%	95.0	93.8	1.3%
Lợi nhuận sau thuế	**16.6**	**13.8**	**20.1%**	**84.3**	**83.1**	**1.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**16.6**	**13.8**	**20.1%**	**84.3**	**83.1**	**1.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.5	10.8	25.7	36.5	22.9	18.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.70	20.0	-5.11	-15.2	-15.9	9.19
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.28	-16.1	-21.1	-16.5	-0.07	-16.5
Tiền đầu kỳ	45.1	50.7	65.4	65.0	69.9	76.8
Lưu chuyển tiền thuần	**5.52**	**14.8**	**-0.51**	**4.84**	**6.89**	**10.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.09	0	0.12	0	-0.01	0
Tiền cuối kỳ	50.7	65.4	65.0	69.9	76.8	87.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**407**	**393**	**3.6%**
Tài sản ngắn hạn	236	237	-0.2%
Tiền và tương đương tiền	87.5	76.8	14.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	87.1	97.1	-10.3%
Phải thu ngắn hạn	15.4	22.3	-30.9%
Hàng tồn kho	45.2	39.3	15.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.20	1.55	-22.7%
Tài sản dài hạn	**170**	**156**	**9.3%**
Phải thu dài hạn	0.22	0.02	899%
Tài sản cố định	161	145	10.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**9.34**	**10.3**	**-9.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	83.6	68.6	21.8%
Nợ ngắn hạn	**83.6**	**68.6**	**21.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	67.9	43.1	57.4%
Nợ dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**323**	**324**	**-0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**323**	**324**	**-0.3%**
Vốn điều lệ	156	156	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)